

Số: 245/2021/QĐST-HNGĐ

Quận N, ngày 12 tháng 3 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1334/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng N năm 2020 giữa:

\*Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị A**, sinh năm: 1970.

Thường trú: 369/15, Tổ 15, Khu phố 3C, phường M, Quận N, Thành phố

I.

\*Bị đơn: Ông **Đào Quốc B**, sinh năm: 1970.

Thường trú: Khu phố C, phường V, thị xã H, tỉnh G.

Tạm trú: 369/15, Tổ D, Khu phố W, phường M, Quận N, Thành phố I.

Căn cứ vào Điều 2N và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 28, 29, 33, 37, 38, 40, 41 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị A và ông Đào Quốc B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phạm Thị A và ông Đào Quốc B thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 02 con chung tên là Đào Thị A Trinh (sinh năm 1994) và Đào B Tín (sinh năm 1998), hai con chung đã trưởng thành.

- **Về tài sản chung và nợ chung:**

Hai bên thống nhất: Bà Phạm Thị A sẽ giao cho ông Đào Quốc B số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 04/3/2023. Đây là số tiền chia từ tài sản chung (đã được căn trừ nợ chung) trong thời kỳ hôn nhân của bà A và ông B. Các bên tự nguyện giao nhận hoặc giao nhận tiền tại cơ quan Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Ông B nhận số tiền trên từ bà A thì ông B không được quyền tranh chấp tài sản chung do hai bên tạo lập là nhà đất tọa lạc tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 11, diện tích xây dựng 90m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng là 180m<sup>2</sup>, mua bằng giấy tờ tay của ông Phạm Út T và bà Phạm Thị Y ngày 22/8/2004. Nhà đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Đã được Ủy ban nhân dân Quận N cấp số nhà 369/15, đường Chiến Khu, Khu phố 3, phường M, Quận N (nay là địa chỉ 369/15, Tổ 15, Khu phố 3C, phường M, Quận N, Thành phố I) và bất kỳ tài sản nào trong thời kỳ hôn nhân với bà A.

Tới ngày 04/3/2023 mà bà A không giao số tiền trên cho ông B thì ông B có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành số tiền này cho ông B.

Kể từ ngày ông B làm đơn yêu cầu thi hành án (sau ngày 04/3/2023) mà bà A chưa giao số tiền trên cho ông B, thì bà A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do bà Phạm Thị A tự nguyện. Án phí chia tài sản chung là 11.000.000 (mười một triệu) đồng do bà A tự nguyện chịu. Tổng cộng là 11.150.000 (mười một triệu, một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Bà A đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng khi nộp đơn khởi kiện theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số 0105826 ngày 30/N/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận N. Căn trừ đi số tiền tạm ứng án phí này, bà A còn phải nộp số tiền án phí là 10.850.000 (mười triệu, tám trăm năm mươi ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực thi hành.

Trường hợp quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

**THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- UBND xã nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đỗ Thị Thu Hương**